

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-03-2025
“V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Hoàng Hiệp.

- Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Chúc L, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K, trình bày:

Ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Chúc L tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau năm 1993, sau khi cưới nhau ông và bà L chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông K và bà L đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nay ông K xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 2 người con chung tên Nguyễn Thị Song N, sinh ngày 20/8/2000 và Nguyễn Thị Thiên N1, sinh ngày 25/12/1997, hiện các con đã trưởng thành hiện có gia đình riêng và cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Chúc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2025 như sau: Bà L thống nhất với phần trình bày của ông K về hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung cụ thể thể như sau, về hôn nhân bà và ông K cưới nhau năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, tuy nhiên về hôn nhân bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn với ông K, các vấn đề khác bà L thống nhất với ý kiến ông K như về con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc yêu cầu không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về tài sản

chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L1 có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn nhưng tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị C Ly khai nhận cả hai cưới nhau vào năm 1993 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cả hai chung sống đầm ấm, hạnh phúc và có 02 người con chung hiện nay đã trưởng thành, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân, nhận thấy không thể hàn gắn nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông K và bà L1 là vợ chồng còn bà L1 thì có ý kiến còn thương chồng không muốn ly hôn nhưng trong trường hợp Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông K.

Theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 60/UBND-XNTTHN ngày 20/02/2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận ông Nguyễn Quốc K hiện chưa đăng ký kết hôn với ai. Như vậy, việc ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Chúc L tổ chức lễ cưới và sống chung sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư

pháp, hướng dẫn... “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.*”. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.” và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Đồng thời ông K trong quá trình giải quyết vụ án không thể hiện mong muốn hàn gắn với bà L có thể thấy quan hệ hôn nhân đã trầm trọng không thể hàn gắn. Từ đó Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Tuấn K1 và bà Nguyễn Thị Chúc L.

[3] Về con chung: Các con của ông K1 và bà L đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi con.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc K và bà Nguyễn Thị Chúc L.

2. Về con chung: Con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008152 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, ông K đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự có mặt tại phiên Tòa) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ (đối với đương sự vắng mặt tại phiên Tòa) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tuyết Kha

